



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC  
VIETRANSTIMEX**

Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25,  
Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Tel : 0283 826 3621 Fax : 0283 826 3621

[www.vietranstimex.com.vn](http://www.vietranstimex.com.vn) [sales@vietranstimex.com.vn](mailto:sales@vietranstimex.com.vn)

Số : 089 /2019/CV-HCNS

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- |   |  |
|---|--|
| 1. Công ty  | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX</b>  |
| 2. Mã chứng khoán   | VTX  |
| 3. Trụ sở chính   | Lầu 9, Tòa nhà B&L Tower, 119-121 Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.   |
| 4. Điện thoại   | 0283 826 3621 Fax: 0283 826 3622   |
| 5. Người công bố thông tin                                | Ông <b>Đỗ Hoàng Phương</b> , Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật.   |
| 6. Loại thông tin công bố                                 | <input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> 72 giờ <input type="checkbox"/> Yêu cầu<br><input type="checkbox"/> Bất thường <input checked="" type="checkbox"/> Định kỳ                                      |
| 7. Nội dung thông tin công bố                             | 1/ BCTC riêng năm 2018 (BCTC đơn vị kế toán cấp trên).<br>2/ Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, tổng tài sản tại BCTC năm 2018.<br>(Nội dung công bố gửi kèm công bố thông tin này) |
| 8. Địa chỉ website của công ty đăng tải công bố thông tin | <a href="http://www.vietranstimex.com.vn">www.vietranstimex.com.vn</a>   |

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

TP.HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HCNS;
- Website Công ty

BM-01-014

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đỗ Hoàng Phương**

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức  
Vietranstimex – Trụ sở chính**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 30

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex - Trụ sở chính

## THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Đà Nẵng (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Quảng Ngãi và Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## CÔNG TY

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2019, Công ty đã đăng ký thay đổi trụ sở chính tại Lầu 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên
Ông Võ Duy Nghi	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban
Ông Ông Văn Khương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

**Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -  
Trụ sở chính**

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2018
Ông Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018
Ông Hồ Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2018
Ông Phan Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018
Ông Ngô Tứ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 4 năm 2018

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Hoàng Phương	Tổng Giám đốc	từ ngày 1 tháng 5 năm 2018
Ông Võ Duy Nghi	Tổng Giám đốc	đến ngày 30 tháng 4 năm 2018

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Hồ Chí Minh (“Trụ sở chính”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Trụ sở chính, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Trụ sở chính và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đỗ Hoàng Phương  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61345701-20242673-HO

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Đà Nẵng (“Trụ sở chính”) được lập ngày 1 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

ĐÀ NẴNG  
VIỆT NAM

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1



Dương Thị Nữ  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 3796-2016-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

18  
G  
M  
Y  
N  
A  
10



Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimax –  
Trụ sở chính

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>177.251.714.472</b>	<b>127.867.698.786</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>37.638.475.959</b>	<b>35.528.739.804</b>
111	1. Tiền		7.638.475.959	23.528.739.804
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	12.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>15.000.000.000</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>110.244.060.517</b>	<b>75.128.053.295</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	85.436.110.197	64.773.444.830
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.587.912.822	4.572.179.769
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	8	28.434.525.618	17.500.858.139
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	6.517.070.021	2.035.485.898
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9	(13.731.558.141)	(13.753.915.341)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>14.155.235.836</b>	<b>15.668.062.334</b>
141	1. Hàng tồn kho		14.155.235.836	15.668.062.334
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>213.942.160</b>	<b>1.542.843.353</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	213.942.160	206.244.283
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.006.463.710
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	330.135.360
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>103.341.482.259</b>	<b>163.790.451.588</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>472.377.170</b>	<b>27.937.370</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		472.377.170	27.937.370
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>93.234.877.881</b>	<b>115.896.386.771</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	82.198.176.910	102.953.974.170
222	Nguyên giá		528.479.467.692	525.621.975.080
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(446.281.290.782)	(422.668.000.910)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	11.036.700.971	12.942.412.601
228	Nguyên giá		12.624.319.258	14.382.148.304
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.587.618.287)	(1.439.735.703)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>5.478.105.441</b>	<b>2.782.498.168</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.478.105.441	2.782.498.168
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>816.000.000</b>	<b>41.956.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		816.000.000	816.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	41.140.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.340.121.767</b>	<b>3.127.629.279</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	3.340.121.767	3.127.629.279
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>280.593.196.731</b>	<b>291.658.150.374</b>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>44.987.668.867</b>	<b>36.731.274.286</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>44.587.668.867</b>	<b>36.531.274.286</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	15.506.141.488	7.143.374.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2.664.146.465	9.434.085.157
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.515.786.914	44.794.616
314	4. Phải trả người lao động		2.332.420.000	1.489.989.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	6.619.579.594	1.174.016.187
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	8	8.675.773.189	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.594.501.964	1.516.563.991
320	8. Vay ngắn hạn	21	3.000.000.000	13.851.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.679.319.253	1.877.451.157
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>400.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn		400.000.000	200.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>235.605.527.864</b>	<b>254.926.876.088</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>235.605.527.864</b>	<b>254.926.876.088</b>
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.272.652.016	24.594.000.240
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		967.981.808	16.436.168.507
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		4.304.670.208	8.157.831.733
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>280.593.196.731</b>	<b>291.658.150.374</b>

  
 Hoàng Thị Thanh Huyền  
 Người lập

  
 Võ Thị Mùi  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Hoàng Phương  
 Tổng Giám đốc



Ngày 1 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	23.1	221.183.610.539	160.603.668.406
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	24	(195.031.374.009)	(141.760.057.863)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		26.152.236.530	18.843.610.543
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	4.086.082.008	2.941.984.668
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(574.172.607) (506.299.996)	(612.266.111) (607.463.565)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(23.520.084.548)	(14.333.433.838)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.144.061.383	6.839.895.262
31	8. Thu nhập khác	28	319.111.159	3.473.402.228
32	9. Chi phí khác	28	(229.587.832)	(794.967.769)
40	10. Lợi nhuận khác	28	89.523.327	2.678.434.459
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.233.584.710	9.518.329.721
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.928.914.502)	(1.360.497.988)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.304.670.208	8.157.831.733

Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập

Võ Thị Mùi  
Kế toán trưởng



Đỗ Hoàng Phương  
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>6.233.584.710</b>	<b>9.518.329.721</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	25.416.708.344	41.122.007.394
03	Các khoản dự phòng		(22.357.200)	(2.104.457.526)
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		46.253.108	4.802.546
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.542.815.279)	(5.673.100.693)
06	Chi phí lãi vay	25	506.299.996	607.463.565
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>28.637.673.679</b>	<b>43.475.045.007</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(29.671.443.478)	41.709.742.544
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.512.826.498	(6.714.221.955)
11	Tăng các khoản phải trả		19.772.964.210	2.886.890.849
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(220.190.365)	645.749.194
14	Tiền lãi vay đã trả		(514.037.826)	(609.341.017)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.880.804.299)	(10.368.074.126)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(830.341.598)	(1.728.360.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>16.806.646.821</b>	<b>69.297.430.496</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(12.399.601.953)	(22.746.411.602)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		4.130.120.822	1.104.876.057
23	Tiền chi cho vay		-	(88.140.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		25.000.000.000	47.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		4.518.001.979	2.584.797.371
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>21.248.520.848</b>	<b>(60.196.738.174)</b>


Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính


B03-DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		113.852.294.826	114.070.198.932
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(124.703.294.826)	(115.609.166.199)
36	Cổ tức đã trả	23.2	(25.088.339.520)	(31.308.469.755)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(35.939.339.520)</b>	<b>(32.847.437.022)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>2.115.828.149</b>	<b>(23.746.744.700)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>35.528.739.804</b>	<b>59.280.287.050</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.091.994)	(4.802.546)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>37.638.475.959</b>	<b>35.528.739.804</b>

  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập

  
Võ Thị Mùi  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Hoàng Phương  
Tổng Giám đốc



Ngày 1 tháng 3 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex (“Công ty”) tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua trụ sở chính tại Thành phố Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính Đà Nẵng (“Trụ sở chính”) và các chi nhánh hạch toán độc lập tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính kèm theo này thể hiện tình hình hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY**

Công ty, trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải (“BGTVT”) ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 80-82 Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 11 tháng 1 năm 2019 Công ty đã đăng ký thay đổi trụ sở chính tại Lầu 9 tòa nhà B&L Tower, Số 119 - 121 Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 176 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 108).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Trụ sở chính được trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”) và được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Trụ sở chính là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Trụ sở chính dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Trụ sở chính dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Trụ sở chính mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo thời hạn của quyền sử dụng đất, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được khấu trừ.

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

#### 3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Trụ sở chính và được ghi nhận như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên doanh*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Trụ sở chính có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Trụ sở chính đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Dự phòng chung**

Trụ sở chính ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Trụ sở chính có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Trụ sở chính (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trụ sở chính có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Trụ sở chính chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Trụ sở chính dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Tiền mặt	-	125.625.000
Tiền gửi ngân hàng	7.638.475.959	23.403.114.804
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	12.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.638.475.959</u></b>	<b><u>35.528.739.804</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất thị trường.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện giá trị của mười lăm (15) trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, có kỳ hạn gốc là hai (2) năm, hiện hưởng lãi suất 9,625%/năm và sẽ đáo hạn vào tháng 2 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	848.460.000	5.864.277.485
Bên khác	84.587.650.197	58.909.167.345
Cosco Logistics Kunming Co., Ltd	18.918.428.059	2.060.145.149
Công ty Cổ phần IBS EC	10.040.189.119	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	6.794.951.458	768.063.070
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	12.210.352.000
Khác	48.834.081.561	43.870.607.126
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>85.436.110.197</b>	<b>64.773.444.830</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(12.331.558.141)	(12.353.915.341)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>73.104.552.056</b>	<b>52.419.529.489</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam	1.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Cevina	715.000.000	-
EPC Global Shipping Company Limited	603.515.772	-
Công ty TNHH Xây dựng Zen-D	487.800.000	-
Công ty Cổ phần Hàng hải và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	-	3.555.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	701.597.050	1.017.179.769
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.587.912.822</b>	<b>4.572.179.769</b>

**8. PHẢI THU, PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
<b>Phải thu</b>	<b>28.434.525.618</b>	<b>17.500.858.139</b>
Chi nhánh Miền Nam	28.434.525.618	12.683.178.828
Chi nhánh Miền Bắc	-	4.817.679.311
<b>Phải trả</b>	<b>8.675.773.189</b>	<b>-</b>
Chi nhánh Miền Bắc	8.675.773.189	-

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.517.070.021</b>	<b>2.035.485.898</b>
Tạm ứng nhân viên	5.562.961.058	1.411.190.615
Phải thu lãi tiền gửi	568.763.078	423.801.283
Khác	385.345.885	200.494.000
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược	472.377.170	27.937.370
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.989.447.191</b>	<b>2.063.423.268</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>5.589.447.191</b>	<b>663.423.268</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Nguyên vật liệu	9.099.782.512	9.347.746.746
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.721.839.317	5.899.933.411
Hàng mua đang đi trên đường	205.319.039	373.395.209
Công cụ, dụng cụ	128.294.968	46.986.968
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.155.235.836</b>	<b>15.668.062.334</b>

# Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex – Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					VND
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	31.225.054.653	32.516.325.986	461.045.349.935	835.244.506	525.621.975.080
Mua trong năm	186.639.589	-	3.991.890.091	-	4.178.529.680
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành Thanh lý	(1.673.312.475)	-	2.686.939.091	-	2.686.939.091
Số cuối năm	29.738.381.767	32.516.325.986	(2.248.300.995)	(86.362.689)	(4.007.976.159)
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	271.685.455	31.183.952.322	365.872.813.287	748.881.817	398.077.332.881
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	(14.974.462.638)	(30.630.401.772)	(376.227.891.994)	(835.244.506)	(422.668.000.910)
Khấu hao trong năm Thanh lý	(2.175.717.501)	(1.169.766.781)	(21.923.341.478)	-	(25.268.825.760)
	349.809.207	-	1.219.363.992	86.362.689	1.655.535.888
Số cuối năm	(16.800.370.932)	(31.800.168.553)	(396.931.869.480)	(748.881.817)	(446.281.290.782)
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	16.250.592.015	1.885.924.214	84.817.457.941	-	102.953.974.170
Số cuối năm	12.938.010.835	716.157.433	68.544.008.642	-	82.198.176.910

Công ty đã sử dụng một số phương tiện vận tải với nguyên giá là 137.933.753.931 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	12.436.033.231	1.946.115.073	14.382.148.304
Thanh lý	<u>(1.757.829.046)</u>	<u>-</u>	<u>(1.757.829.046)</u>
Số cuối năm	<u>10.678.204.185</u>	<u>1.946.115.073</u>	<u>12.624.319.258</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	1.246.847.073	1.246.847.073
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	-	(1.439.735.703)	(1.439.735.703)
Hao mòn trong năm	<u>-</u>	<u>(147.882.584)</u>	<u>(147.882.584)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(1.587.618.287)</u>	<u>(1.587.618.287)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	<u>12.436.033.231</u>	<u>506.379.370</u>	<u>12.942.412.601</u>
Số cuối năm	<u>10.678.204.185</u>	<u>358.496.786</u>	<u>11.036.700.971</u>

Trụ sở chính đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị là 7.552.136.460 VND làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng. Chi tiết của khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 22*.

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được lắp đặt.

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh	816.000.000	-	816.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>41.140.000.000</u>	<u>-</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>816.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>41.956.000.000</b></u>	<u><b>-</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh**

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm (chưa kiểm toán)	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
		%	VND	%	VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
		VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>213.942.160</b>	<b>206.244.283</b>
Chi phí sử dụng đường bộ	41.155.750	92.461.085
Chi phí bảo hiểm	10.780.748	-
Chi phí khác	162.005.662	113.783.198
<b>Dài hạn</b>	<b>3.340.121.767</b>	<b>3.127.629.279</b>
Chi phí thuê đất	2.498.213.051	2.567.607.863
Chi phí công cụ dụng cụ	160.891.150	357.972.780
Khác	681.017.566	202.048.636
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.554.063.927</u></b>	<b><u>3.333.873.562</u></b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
		VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	177.672.000	95.370.000
Bên khác	15.328.469.488	7.048.004.178
Công ty Cổ phần Đông Hải 27-7	5.939.457.193	-
Công ty Cổ phần Hàng hải và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	3.696.400.000	-
Công ty TNHH Lexim	-	2.890.000.000
Khác	5.692.612.295	4.158.004.178
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.506.141.488</u></b>	<b><u>7.143.374.178</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Công ty TNHH Strategic Marine	1.730.120.000	-
Siam Heavylift Co., Ltd	385.518.325	-
Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	-	2.287.923.984
Công ty Cổ phần Cầu 12	-	2.172.800.000
Công ty TNHH Hoàng Trung Chính	-	2.172.800.000
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	-	1.525.295.880
Khác	548.508.140	1.275.265.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.664.146.465</b>	<b>9.434.085.157</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(1.007.744.463)	21.509.158.288	(20.150.949.044)	350.464.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(328.854.607)	4.329.180.521	(1.880.804.299)	2.119.521.615
Thuế thu nhập cá nhân	37.787.986	502.433.450	(494.420.918)	45.800.518
Khác	7.006.630	174.877.967	(181.884.597)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(1.291.804.454)</b>	<b>26.515.650.226</b>	<b>(22.708.058.858)</b>	<b>2.515.786.914</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	1.336.599.070	283.217.323	(1.619.816.393)	-
<i>Phải trả</i>	44.794.616	26.798.867.549	(24.327.875.251)	2.515.786.914

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Chi phí thầu phụ	6.585.297.146	1.137.995.909
Khác	34.282.448	36.020.278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.619.579.594</b>	<b>1.174.016.187</b>

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Cổ tức phải trả	499.303.360	420.857.680
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	19.920	156.165.567
Khác	1.095.178.684	939.540.744
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.594.501.964</b>	<b>1.516.563.991</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>816.000.000</i>	<i>816.000.000</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>778.501.964</i>	<i>700.563.991</i>

**21. VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Vay ngân hàng	3.000.000.000	13.851.000.000

Trụ sở chính thực hiện vay ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Hình thức đảm bảo
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	3.000.000.000	ngày 28 tháng 3 năm 2019	Quyền sử dụng đất.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.000.000.000</b>		

Khoản vay được tính theo lãi suất thị trường áp dụng.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex -  
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũ lũy kế)	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					VND
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	209.723.210.000	15.257.068.213	2.909.120.561	45.646.978.456	273.536.377.230
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	8.157.831.733	8.157.831.733
Trích lập các quỹ	-	-	2.443.477.074	(4.527.530.064)	(2.084.052.990)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(31.458.481.500)	(31.458.481.500)
Lợi nhuận chi nhánh	-	-	-	6.775.201.615	6.775.201.615
Số cuối năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	24.594.000.240	254.926.876.088
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm (chưa kiểm toán)	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	24.594.000.240	254.926.876.088
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.304.670.208	4.304.670.208
Trích lập các quỹ	-	-	-	(632.209.694)	(632.209.694)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(25.166.785.200)	(25.166.785.200)
Lợi nhuận chi nhánh	-	-	-	2.172.976.462	2.172.976.462
Số cuối năm	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	5.272.652.016	235.605.527.864

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex –  
Trụ sở chính

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm</b>		
Cổ tức đã công bố trong năm	25.166.785.200	31.458.481.500
Cổ tức đã trả trong năm	25.088.339.520	31.308.469.755

**23. DOANH THU**

**23.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	221.183.610.539	160.445.668.406
Doanh thu bán hàng hóa	-	158.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>221.183.610.539</u></b>	<b><u>160.603.668.406</u></b>

**23.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.522.963.774	2.938.126.115
Lãi chênh lệch tỷ giá	563.118.234	3.858.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.086.082.008</u></b>	<b><u>2.941.984.668</u></b>

**24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	195.031.374.009	142.013.245.047
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	158.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(411.187.184)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>195.031.374.009</u></b>	<b><u>141.760.057.863</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí lãi vay	506.299.996	607.463.565
Lỗ chênh lệch tỷ giá	67.872.611	4.802.546
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>574.172.607</b>	<b>612.266.111</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nhân công	17.168.705.430	11.553.651.647
Chi phí đồ dùng văn phòng	602.249.169	370.793.506
Chi phí khấu hao và hao mòn	582.578.101	606.170.756
Dự phòng phải thu khó đòi (hoàn nhập)	177.642.800	(1.427.441.942)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.136.462.420	2.529.103.609
Khác	852.446.628	701.156.262
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.520.084.548</b>	<b>14.333.433.838</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	13.181.744.163	4.364.603.892
Chi phí nhân công	28.980.468.087	16.394.947.708
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	25.416.708.344	53.188.981.377
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	146.259.923.627	80.339.216.648
Chi phí khác	4.712.614.336	1.805.742.076
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>218.551.458.557</b>	<b>156.093.491.701</b>

**28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>Thu nhập khác</b>	<b>319.111.159</b>	<b>3.473.402.228</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	267.798.369	2.808.509.243
Thu tiền phạt, bồi thường	47.775.612	591.500.000
Thu nhập khác	3.537.178	73.392.985
<b>Chi phí khác</b>	<b>229.587.832</b>	<b>794.967.769</b>
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định công cụ dụng cụ	228.937.003	108.930.394
Chi phí bồi thường, phạt	-	686.037.375
Chi phí khác	650.829	-
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b>89.523.327</b>	<b>2.678.434.459</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Trụ sở chính sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.928.914.502	1.080.032.150
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	280.465.838
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.928.914.502</b>	<b>1.360.497.988</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>6.233.584.710</b>	<b>9.518.329.721</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Trụ sở chính	1.246.716.942	1.903.665.944
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	871.685.512	641.294.061
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	280.465.838
Lỗi từ chi nhánh	(184.938.897)	(1.589.328.472)
Khác	(4.549.055)	124.400.617
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.928.914.502</b>	<b>1.360.497.988</b>

### 29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Trụ sở chính khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Trụ sở chính được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

### 29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Trụ sở chính chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản trợ cấp thôi việc phải trả do không trọng yếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Trụ sở chính có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Trụ sở chính với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	21.140.100.000	26.425.125.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	50.000.000	133.447.273
		Cho thuê mặt bằng	54.545.456	54.545.456
		Cho vay	-	47.000.000.000
		Thu hồi nợ vay	-	47.000.000.000
		Lãi cho vay	-	655.861.111
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.087.029.000	18.451.421.589
		Thuê dịch vụ vận chuyển	20.182.260	20.576.920
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	1.865.633.000	86.700.000
		Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.330.427.273	21.500.000
Tổng Công ty Cổ phần đường sông Miền Nam	Bên liên quan	Thanh lý tài sản cố định	-	149.090.909
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	Bên liên quan	Mua trái phiếu	-	40.000.000.000
		Chuyển nhượng trước hạn trái phiếu	25.000.000.000	-
		Lãi đầu tư trái phiếu	2.786.732.641	263.888.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam tại Hà Nội	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	5.840.627.485
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	848.460.000	23.650.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>848.460.000</b>	<b>5.864.277.485</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	Bên liên quan	Trái phiếu	15.000.000.000	41.140.000.000
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh	Bên liên quan	Thuê dịch vụ vận chuyển	177.672.000	95.370.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Công ty liên doanh	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>816.000.000</b>	<b>816.000.000</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.233.581.000	2.507.485.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	312.000.000	234.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.545.581.000</b>	<b>2.741.485.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Trụ sở chính hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm (chưa kiểm toán)
Đến 1 năm	2.687.525.930	914.005.130
Từ 2 đến 5 năm	3.413.483.920	2.270.164.520
Trên 5 năm	9.790.084.493	9.790.084.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.891.094.343</b>	<b>12.974.254.143</b>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính.

  
Hoàng Thị Thanh Huyền  
Người lập

  
Võ Thị Mùi  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Hoàng Phương  
Tổng Giám đốc



Ngày 1 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN  
TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC  
VIETRANSTIMEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA  
PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX  
DN: c=VN, st=ĐÀ NẴNG, l=Hải Châu, cn=CÔNG TY CỔ  
PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX,  
0.9.2342.1.9200300.100.1.1=MCK0400101901  
Date: 2019.03.09 16:46:44 +07'00'

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 087/2019/CV-TCKT  
V/v giải trình báo cáo tài chính kiểm toán năm  
2018

TP Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**Tên Công ty đại chúng: Công ty CP Vận tải Đa phương thức Vietranstimex**

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 9, tòa nhà B&L TOWER, số 119-121 Ung Văn Khiêm, Phường 25,  
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3826 3621

Fax: 028 3826 3622

Website: www.vietranstimex.com.vn

Email: sales@vietranstimex.com.vn

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về  
việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex (Công ty) xin giải trình về  
biến động trên 10% của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (LNST) tại báo cáo  
kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo	LNST	Năm 2018	Năm 2017	Chênh lệch	
				Số tiền	%
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)	
BCTC tổng hợp		6.090	17.644	(11.554)	(65,48%)
BCTC riêng		4.305	8.158	(3.853)	(47,23%)

Nguyên nhân:

- Một số công trình lớn dự kiến thực hiện trong năm 2018 bị giãn tiến độ hoặc hoãn thực hiện.
- Công ty vẫn đang thực hiện trích khấu hao nhanh cho các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị đầu tư từ năm 2015 trở về trước.

Trân trọng kính chào!

**CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX**



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: HCNS, TCKT;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG THỨC  
VIETRANSTIMEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX  
DN: c=VN, st=ĐÀ NẴNG, o=H&H Chữ, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX,  
o=282702000100111-H&H000101901  
Date: 2019.03.09 16:38:26 +07'00'

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Đỗ Hoàng Phương**